

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần

Để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Thông tư số 126/2004/TT-BTC) và hướng dẫn thực hiện Điều 6 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 126/2004/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 Mục B Phần II Thông tư số 126/2004/TT-BTC như sau:

"2.2. Khi có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm:

a. Điều chỉnh sổ kế toán và bảng cân đối kế toán theo quyết định xác định giá trị doanh nghiệp.

b. Bảo quản và bàn giao các khoản nợ và tài sản đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp (kèm theo hồ sơ có liên quan) cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp trong thời gian tối đa là 60 ngày kể từ ngày công bố giá trị doanh nghiệp.

c. Hạch toán đầy đủ các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện cổ phần hoá phát sinh.

d. Thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp đã lập báo cáo tài chính theo kỳ báo cáo thì không điều chỉnh lại mức trích khấu hao theo nguyên giá mới.

- Trường hợp doanh nghiệp chưa lập báo cáo tài chính thì doanh nghiệp điều chỉnh lại việc trích khấu hao theo nguyên giá mới kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

đ. Trường hợp thời gian tính từ khi nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phần đến thời điểm công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên 3 tháng thì doanh nghiệp được tính chi phí lãi vay để chi trả cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc:

- Chỉ tính lãi từ tháng thứ tư trở đi trên tổng mệnh giá của số cổ phần được mua.

- Tỷ lệ trả lãi không vượt quá lãi suất vay ngắn hạn cùng kỳ của ngân hàng thương mại tại thời điểm tính lãi.

- Việc trả lãi phải đảm bảo doanh nghiệp không bị lỗ.

Khoản chi phí lãi vay này doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí kinh doanh.

e. Việc phân phối lợi nhuận phát sinh trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành đối với công ty nhà nước."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.3 Mục B Phần II Thông tư số 126/2004/TT-BTC như sau:

"2.3. Lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

a. Trong thời gian 30 ngày từ khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gửi các đơn vị theo quy định của chế độ kế toán.

Trong thời gian 30 ngày từ khi nhận được báo cáo tài chính, cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp thực hiện kiểm tra, xử lý những vấn đề tài chính phát sinh giữa hai thời điểm; xác định lại giá trị phần vốn nhà nước, quyết định điều chỉnh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần; gửi kết quả xác định lại giá trị vốn nhà nước cho Bộ Tài chính.

b. Giám đốc và kế toán trưởng công ty nhà nước chịu trách nhiệm lập và ký báo cáo tài chính, báo cáo xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, báo cáo quyết toán chi phí cổ phần hoá, quyết toán thuê và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần (mới) có trách nhiệm tạo điều kiện để lãnh đạo công ty nhà nước (cũ) hoàn thành nhiệm vụ. Giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước chưa hoàn thành báo cáo tài chính chưa được chuyển công tác, nghỉ việc theo chế độ.

c. Trường hợp thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là năm trước, thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là năm sau thì chỉ lập một báo cáo tài chính của cả thời kỳ, không tách riêng hai báo cáo ở thời điểm 31/12 và ở thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. "

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 6 Mục A phần III Thông tư số 126/2004/TT-BTC như sau:

"6. Giá trị quyền sử dụng đất.

Việc tính giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định 187/2004/NĐ-CP, trong đó:

6.1. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện hình thức thuê đất:

a. Nếu đang thuê thì không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp; công ty cổ phần tiếp tục ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật và quản lý sử dụng đúng mục đích, không được nhượng bán.

b. Nếu đất đã nhận giao và đã nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước, đất doanh nghiệp đã mua quyền sử dụng của các cá nhân, pháp nhân khác nay chuyển sang thuê đất thì chỉ tính vào giá trị doanh nghiệp các khoản chi phí làm tăng giá trị sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất như: chi phí đền bù, giải toả, san lấp mặt bằng.

Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chuyển từ hình thức giao đất sang hình thức thuê đất trước thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

6.2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính giá trị doanh nghiệp được thực hiện như sau:

a. Đối với diện tích đất doanh nghiệp đang thuê chuyển sang hình thức giao đất: Sau khi có quyết định cổ phần hoá, đồng thời với việc tiến hành kiểm kê, phân loại, đánh giá lại tài sản, doanh nghiệp phải căn cứ vào quy định tại Điều 6 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 của Chính phủ xác định giá trị quyền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước tại thời điểm thực hiện định giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp có diện tích đất nhận giao xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giá đất cụ thể và thông báo cho doanh nghiệp. Sau thời hạn trên nếu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố không có ý kiến thì coi như đồng ý với phương án xác định giá đất của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá không thống nhất với giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xác định lại thì tiếp tục thực hiện thuê đất để thực hiện cổ phần hoá.

Giá trị quyền sử dụng đất xác định theo nguyên tắc trên được tính vào giá trị doanh nghiệp nhưng không tính tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà hạch toán là khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

Trình tự và thủ tục giao đất, nộp tiền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

b. Trường hợp doanh nghiệp được giao đất xây dựng nhà, hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê và đã nộp tiền sử dụng đất cho ngân sách Nhà nước:

- Phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm thực hiện định giá nhưng không thấp hơn chi phí thực tế về quyền sử dụng đất đang hạch toán trên sổ kế toán. Nếu giá trị quyền sử dụng đất xác định lại cao hơn chi phí thực tế về

quyền sử dụng đất đang hạch toán trên sổ kế toán thì khoản chênh lệch tăng tính vào giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Nếu giá trị vốn nhà nước (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất) quá lớn, vượt quá quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp cổ phần hoá theo phương án được duyệt thì phần chênh lệch được coi như một khoản thu từ cổ phần hoá và được xử lý theo quy định tại điểm 1.3 mục VI Thông tư số 126/2004/TT-BTC.

c. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá được giao đất xây dựng nhà ở, kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê có sử dụng một phần diện tích đất làm các công trình phúc lợi công cộng, bàn giao cho địa phương quản lý sử dụng thì giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá được xác định như sau:

- Nếu bàn giao theo phương thức có thanh toán thì chỉ xác định lại giá trị quyền sử dụng đất đối với những diện tích đất doanh nghiệp được giao để kinh doanh nhà và hạ tầng để tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá.

- Nếu bàn giao theo phương thức không thanh toán thì tính vào giá trị doanh nghiệp toàn bộ giá trị quyền sử dụng diện tích đất được giao sau khi trừ đi chi phí để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng đã bàn giao.

d. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá được giao đất xây dựng nhà ở, kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê và đã thực hiện sự điều tiết quỹ nhà, đất theo cơ chế do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định thì giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp được xác định trên cơ sở giá trị quyền sử dụng đất xác định lại trừ khoản thu nhập bị điều tiết.

đ. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá được giao đất xây dựng nhà, hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê có thực hiện chuyển giao một phần diện tích nhà cao tầng cho cơ quan khác làm trụ sở hoặc kinh doanh thì phải tiến hành phân bổ giá trị quyền sử dụng đất được xác định lại cho diện tích nhà bàn giao theo hệ số các tầng hoặc giá bán nhà của từng tầng. Hệ số do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

e. Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá được giao đất xây dựng nhà ở để bán đã tiến hành bán nhà thì được loại trừ không đánh giá lại đối với diện tích nhà đã bán tương ứng với số tiền thu bán nhà đã hạch toán vào thu nhập, xác định kết quả kinh doanh hàng năm và nộp thuế theo đúng quy định của nhà nước."

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.2 Mục A Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"1.2. Nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP do cơ quan quyết định cổ phần hoá phê duyệt. Người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá, các pháp nhân trong cùng Tổng công ty không được xác định là nhà đầu tư chiến lược."

5. Bổ sung thêm điểm 1.4 vào Mục A Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"1.4. Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp (đối với trường hợp đấu giá tại doanh nghiệp), tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hoá không được tham gia đấu giá mua cổ phần của doanh nghiệp đó."

6. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 Mục A Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

" 2.2. Số cổ phần bán ưu đãi được quy định cụ thể như sau:

a. Bán cho người lao động trong doanh nghiệp theo mức tối đa là 100 cổ phần/năm công tác trong khu vực nhà nước với giá giảm 40% so với giá đấu thành công bình quân thực tế.

b. Bán cho nhà đầu tư chiến lược mức tối đa là 20% số cổ phần bán ra với giá giảm 20% so với giá đấu thành công bình quân thực tế.

c. Tổng giá trị ưu đãi giảm giá cho người lao động và nhà đầu tư chiến lược (xác định theo mệnh giá) không vượt quá số vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi trừ giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ và chi phí cổ phần hoá theo định mức."

7. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.3 Mục A Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"2.3. Số cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư chiến lược và người lao động nếu mua thêm) không thấp hơn 20% vốn điều lệ. Trường hợp không đủ 20% vốn điều lệ thì xử lý như sau:

a. Điều chỉnh giảm cổ phần nhà nước nắm giữ đối với trường hợp doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

b. Điều chỉnh giảm số lượng cổ phần bán ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược, nếu không đủ thì điều chỉnh giảm số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động."

8. Bổ sung thêm điểm 2.5 vào Mục A Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"2.5 Các doanh nghiệp cổ phần hoá đủ điều kiện tham gia niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì phương án bán cổ phần phải đảm bảo đủ điều kiện về số lượng cổ đông để thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán."

9. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.4 Mục B Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

" 1.4 Trường hợp doanh nghiệp ở vùng sâu, vùng xa có khối lượng cổ phần bán đấu giá công khai trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng: đã thông báo công khai việc thuê các tổ chức bán đấu giá cổ phần nhưng không có tổ chức tài chính trung gian nào nhận bán đấu giá cổ phần cho doanh nghiệp thì Ban Chỉ đạo cổ phần hoá tự tổ chức đấu giá."

10. Sửa đổi, bổ sung tiết d điểm 2.2 Mục B Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"d. Cung cấp thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hoá (theo Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư 126/2004/TT-BTC), phương án cổ phần hoá, dự thảo điều lệ tổ chức - hoạt động của công ty cổ phần; đơn đăng ký tham gia đấu giá và các thông tin liên quan đến cuộc đấu giá (theo Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư 126/2004/TT-BTC) cho các nhà đầu tư, các tổ chức xúc tiến đầu tư."

11. Sửa đổi, bổ sung điểm 6 Mục B Phần V Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"6. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết:

6.1. Trường hợp không bán hết số lượng cổ phần đấu giá, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá xử lý theo hướng:

a. Nếu số lượng cổ phần còn lại dưới 50% số lượng cổ phần bán đấu giá thì điều chỉnh quy mô vốn điều lệ, tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

b. Nếu số lượng cổ phần còn lại từ 50% số lượng cổ phần bán đấu giá trở lên thì xem xét điều chỉnh giá khởi điểm (không thấp hơn mệnh giá) và tổ chức bán đấu giá tiếp số cổ phần còn lại.

6.2. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá thì không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp xem xét xử lý số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu từ chối mua như sau:

a. Nếu số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu từ chối mua nhỏ hơn 30% tổng số cổ phần bán đấu giá thì bán tiếp cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá theo phương thức thoả thuận. Giá bán theo thứ tự từ cao xuống thấp nhưng không thấp hơn giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá (bao gồm cả giá đấu của nhà đầu tư đã từ chối mua).

Sau khi bán thoả thuận vẫn không bán hết cổ phần dự kiến bán ra thì Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá xử lý theo quy định tại tiết a điểm 6.1 nêu trên.

b. Nếu số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu từ chối mua từ 30% tổng số cổ phần bán đấu giá trở lên thì tổ chức đấu giá bán tiếp số cổ phần từ chối mua.

Sau khi đấu giá bán tiếp vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hoá báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá xử lý theo quy định tại tiết a điểm 6.1 nêu trên.

6.3. Trường hợp người lao động và nhà đầu tư chiến lược không mua hết cổ phần ưu đãi thì Ban Chỉ đạo cổ phần hoá báo cáo cơ quan quyết định cổ phần

hoá quyết định điều chỉnh quy mô vốn điều lệ, tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

6.4. Giá đầu thành công bình quân thực tế để làm căn cứ xác định giá bán ưu đãi cho người lao động và cổ đông chiến lược được tính trên cơ sở giá, số lượng cổ phần của các nhà đầu tư thực tế mua (bao gồm cả kết quả bán thoả thuận và đấu giá lần 2 nếu có)."

12. Sửa đổi, bổ sung điểm 8 Mục B Phần V Thông tư số 126/2004/TT-BTC như sau:

" 8. Chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá cổ phần do cơ quan quyết định cổ phần hoá quyết định và được xác định như sau:

a. Trường hợp do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp thực hiện thì chi phí tối đa không quá 10% tổng chi phí cổ phần hoá.

b. Trường hợp do các tổ chức tài chính trung gian thực hiện thì chi phí tối đa không quá 15% tổng chi phí cổ phần hoá (trong đó có bao gồm chi phí cho ít nhất 2 cuộc thuyết trình cơ hội đầu tư, giới thiệu doanh nghiệp cổ phần hoá với các nhà đầu tư).

c. Trường hợp đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, chi phí cho việc bán đấu giá cổ phần tối đa không quá 20% tổng chi phí cổ phần hoá. Việc phân chia chi phí giữa Trung tâm và tổ chức tài chính trung gian theo thoả thuận của các bên."

13. Bổ sung phần cuối điểm 1.3 Phần VI Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"Sau khi hoàn thành việc bán cổ phần của công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan thực hiện đấu giá bán cổ phần phải nộp ngay số tiền bán cổ phần thuộc vốn nhà nước và tiền chênh lệch tăng do bán đấu giá cổ phần về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính (không chuyển về doanh nghiệp) theo địa chỉ:

Đơn vị nhận tiền : Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

Tài khoản : 942.01.00.00000

Tại : Sở giao dịch Kho bạc nhà nước.

Kết thúc quá trình cổ phần hoá, doanh nghiệp có trách nhiệm xác định chính thức số phải nộp, quyết toán các khoản chi cho người lao động và chi phí cổ phần hoá báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá. Trường hợp số phải nộp lớn hơn số đã nộp thì doanh nghiệp nộp tiếp phần còn thiếu về Quỹ. Trường hợp số phải nộp nhỏ hơn số đã nộp thì doanh nghiệp báo cáo Quỹ để Quỹ hoàn trả.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (đối với doanh nghiệp Trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với doanh nghiệp thuộc tỉnh, thành phố) chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc nộp tiền thu về bán cổ phần về Quỹ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính."

14. Bổ sung thêm các điểm 2.4, 2.5 và 2.6 vào Mục VIII Thông tư 126/2004/TT-BTC như sau:

"2.4 Trách nhiệm của tổ chức định giá:

Chịu trách nhiệm về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp không đảm bảo đúng quy định của Nhà nước thì Ban Chỉ đạo cổ phần hoá có thể từ chối không thanh toán phí thực hiện dịch vụ và bị xem xét loại ra khỏi danh sách của các tổ chức đủ điều kiện tham gia định giá.

2.5 Trách nhiệm của cơ quan thực hiện đấu giá:

Chịu trách nhiệm về các thông tin liên quan đến doanh nghiệp được công bố trước khi thực hiện đấu giá. Các thông tin này trước khi công bố cho các nhà đầu tư phải được Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp thông qua.

Trường hợp thông tin không chính xác, phản ánh sai lệch tình hình doanh nghiệp, gây tổn thất vốn Nhà nước hoặc thiệt hại cho nhà đầu tư thì cơ quan thực hiện đấu giá phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù tổn thất.

2.6 Trách nhiệm của cơ quan có liên quan trong việc quyết toán thuế đối với các doanh nghiệp cổ phần hoá như sau:

a. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp có trách nhiệm lập và gửi báo cáo quyết toán thuế đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho cơ quan thuế theo quy định. Cục Thuế có trách nhiệm chủ động bố trí cán bộ thực hiện quyết toán thuế đối với các doanh nghiệp phù hợp với thời gian xác định giá trị doanh nghiệp đã được thông báo.

- Trường hợp đến thời điểm tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp mà vẫn chưa hoàn thành kiểm tra quyết toán thuế thì doanh nghiệp được sử dụng báo cáo tài chính để làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp (kể cả việc xác định các nghĩa vụ của doanh nghiệp về thuế và phân phối lợi nhuận). Sau khi có quyết toán thuế, các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (nếu có) sẽ được điều chỉnh ở thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

b. Thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Doanh nghiệp phải lập và gửi báo cáo quyết toán thuế trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật hiện hành ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cơ quan thuế phải tổ chức kiểm tra xong quyết toán thuế cho doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp đã nộp đủ hồ sơ mà cơ quan thuế không tiến hành kiểm tra quyết toán thuế theo đúng thời hạn quy định thì cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hoá ra quyết định phê duyệt quyết toán, thực hiện bàn

giao vốn và tài sản cho công ty cổ phần. Công ty cổ phần sẽ không phải chịu trách nhiệm về số thuế phát sinh thêm so với số liệu trong báo cáo tài chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bàn giao."

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tổng công ty nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT (2), Cục TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Trần Xuân Hà